

Bản án số: 39/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 15-02-2023

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thảo.

2. Ông Vương Minh Tân

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Kim Tuyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 02 năm 2023, tại Phòng xét xử của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 152/2022/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 10 năm 2022, về Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 29 tháng 12 năm 2022. Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 16/01/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **PHẠM MỸ H**, sinh năm 1990.

Nơi đăng ký HKTT: Tổ dân phố 01, phường M, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Nơi ở: Số nhà 27, đường Lê Văn Thịnh, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh - Vắng mặt (chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh **PHẠM NGỌC A**, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Tổ dân phố 01, phường M, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang - Vắng mặt (anh A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện; Biên bản tự khai; Biên bản hòa giải có lưu trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị **PHẠM MỸ H** trình bày: Tôi và anh **PHẠM NGỌC A** được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân phường M, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, vào ngày 18/7/2013 theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, cùng làm ăn sinh sống tại thành phố Bắc Ninh, tôi bán hàng và kinh doanh tự do, chồng tôi là anh **PHẠM NGỌC A** làm thợ cơ khí. Quá trình chung sống một thời gian sau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn là tính tình không hòa hợp; bất đồng quan điểm sống và làm ăn kinh tế. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải, khuyên nhủ, nhưng không thành. Tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh PHẠM NGỌC A theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Tôi và anh PHẠM NGỌC A có 02 người con chung là cháu Phạm Anh Q, sinh ngày 30/9/2013 và cháu Phạm Thanh T, sinh ngày 26/6/2018. Khi ly hôn, tôi nhận là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Phạm Thanh T và nhất trí anh A là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Phạm Anh Q. Tôi và anh A do mỗi người đã nuôi 1 con chung, nên hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung.

Về tài sản chung: Tôi và anh A không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn.

Về tài sản cho vay và tài sản vay nợ chung: Tôi và anh A không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn.

Bị đơn anh PHẠM NGỌC A trình bày tại Bản tự khai; Biên bản hòa giải có lưu trong hồ sơ vụ án: Tôi và chị PHẠM MỸ H trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 18/7/2013, tại Ủy ban nhân phường M, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, cùng làm ăn sinh sống tại thành phố Bắc Ninh, tôi làm thợ cơ khí. Do dịch Covid19 ảnh hưởng đến làm ăn kinh tế, nên tôi chuyển về Tuyên Quang làm ăn và sinh sống, chị H vẫn ở thành phố Bắc Ninh bán hàng. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống cũng như làm ăn kinh tế. Tuy nhiên, tôi xác định vẫn còn tình cảm với chị H, nên không nhất trí ly hôn. Tôi đề nghị Tòa án cho thời gian để vợ chồng tôi hòa giải để cùng nhau làm ăn kinh tế và nuôi dạy con cái.

Về con chung: Tôi và chị H có 02 người con chung là cháu Phạm Anh Q, sinh ngày 30/9/2013 và cháu Phạm Thanh T, sinh ngày 26/6/2018. Hiện nay, cháu Phạm Anh Q đang ở cùng tôi tại thành phố T. Cháu T đang ở cùng với chị H tại Bắc Ninh. Nếu phải ly hôn, tôi đề nghị được nuôi dưỡng cháu Q còn chị H nuôi dưỡng cháu T; tôi và chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Tôi và chị H không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án tiến hành lấy ý kiến của cháu Phạm Anh Q, sinh ngày 30/9/2013, được biết khi bố mẹ ly hôn cháu muốn được ở với bố là anh PHẠM NGỌC A để thuận tiện việc học hành và sinh hoạt.

Quá trình giải quyết vụ án, về chứng cứ chị H cung cấp cho Tòa án:

- 01 bản chính Giấy chứng nhận kết hôn số 54/2013; Quyền số 01/2012, mang tên chồng PHẠM NGỌC A, mang tên vợ PHẠM MỸ H.
- 01 bản sao Căn cước công dân tên PHẠM MỸ H.
- 01 bản sao Giấy khai sinh mang tên Phạm Anh Q, sinh ngày 30/9/2013.
- 01 bản sao Giấy khai sinh mang tên Phạm Thanh T, sinh ngày 26/6/2018.
- 01 bản sao Xác nhận thông tin về cư trú hộ bà Nguyễn Thị C.

Anh A cung cấp 01 bản phô tô Căn cước công dân mang tên PHẠM NGỌC A.

Tòa án nhân dân thành phố T xác minh tại địa phương nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chị PHẠM MỸ H và anh PHẠM NGỌC A được biết: Chị H và anh A là vợ chồng, có hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố 01, phường M, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Chị H và anh A thường không có mặt ở địa phương. Theo địa phương được biết thì chị H, anh A có mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân từ lâu. Chị H có đơn xin ly hôn với anh A đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị H và anh A có 02 người con chung là cháu Phạm Anh Q, sinh ngày 30/9/2013 và cháu Phạm Thanh T, sinh ngày 26/6/2018. Chị H và anh A không có tài sản chung. Về tài sản cho vay và tài sản vay nợ chung thì địa phương không nắm được.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, đã tiến hành hòa giải cho các đương sự nhưng không thành.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, thụ lý và giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình, là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp. Tòa án xác định tư cách đương sự và tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng trình tự của pháp luật quy định. Các thành phần tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tiến hành theo đúng trình tự, đúng pháp luật tố tụng quy định. Ý thức chấp hành pháp luật của nguyên đơn là chị H đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn là anh A còn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 227; 228; khoản 1 Điều 235; Điều 238; 266; 267; 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

* Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị PHẠM MỸ H được ly hôn với anh PHẠM NGỌC A.

- Về con chung: + Giao cháu Phạm Anh Q, sinh ngày 30 tháng 9 năm 2013, cho anh PHẠM NGỌC A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

+ Giao cháu Phạm Thanh T, sinh ngày 26 tháng 6 năm 2018, cho chị PHẠM MỸ H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị PHẠM MỸ H và anh PHẠM NGỌC A không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung đương sự xác định không có, nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản cho vay và tài sản vay nợ chung đương sự xác định không có, nên không xem xét giải quyết.

- Chị PHẠM MỸ H phải chịu toàn bộ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh PHẠM NGỌC A không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.
- Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị PHẠM MỸ H và anh PHẠM NGỌC A được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân phường M, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, vào ngày 18/7/2013, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng làm ăn sinh sống ở thành phố Bắc Ninh. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống và làm ăn kinh tế. Do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng, nên chị H và anh A hiện không chung sống cùng nhau. Chị H có khởi kiện xin ly hôn với anh A. Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, xét thấy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị H và anh A có mâu thuẫn căng thẳng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, thực tế vợ chồng sống ly thân đã lâu ngày, nên chấp nhận toàn bộ đơn và yêu cầu của chị H là được ly hôn với anh A theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị H và anh A có 02 người con chung là cháu Phạm Anh Q, sinh ngày 30/9/2013 và cháu Phạm Thanh T, sinh ngày 26/6/2018. Xét thấy cháu Q và cháu T tính đến ngày xét xử sơ thẩm là người chưa đủ 18 tuổi, nên cần phải có người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Nguyên vọng của cháu Q là được ở trực tiếp với bố là anh A khi bố mẹ ly hôn; cháu T hiện còn nhỏ nên cần sự chăm sóc của người mẹ là chị H. Chị H và anh A đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau, nên không xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị H và anh A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở là có căn cứ theo Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình và phù hợp với thực tế.

[4] Về tài sản chung các đương sự đều xác định không có, nên không xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản cho vay và tài sản vay nợ chung các đương sự đều xác định không có, nên không xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[6] Đối với anh PHẠM NGỌC A quá trình giải quyết vụ án, anh A đã có ý kiến trình bày của mình và có mặt để tiến hành hòa giải, nhưng sau đó Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng anh A đều vắng mặt không có lý do. Do vậy, Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: Chị H phải chịu toàn bộ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Anh A không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Nguyên đơn là chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn là anh A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, nên xét xử vắng mặt chị H và anh A theo Điều 227; 228; 238 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 227; 228; khoản 1 Điều 235; Điều 238; 266; 267; 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị PHẠM MỸ H được ly hôn với anh PHẠM NGỌC A.

2. *Về con chung:* + Giao cháu Phạm Anh Q, sinh ngày 30 tháng 9 năm 2013, cho anh PHẠM NGỌC A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

+ Giao cháu Phạm Thanh T, sinh ngày 26 tháng 6 năm 2018, cho chị PHẠM MỸ H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị PHẠM MỸ H và anh PHẠM NGỌC A không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí:* - Chị PHẠM MỸ H phải chịu toàn bộ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0000430, ngày 05 tháng 10 năm 2022, của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Chị PHẠM MỸ H đã nộp đủ tiền án phí.

- Anh PHẠM NGỌC A không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo:* Chị PHẠM MỸ H và anh PHẠM NGỌC A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP. Tuyên Quang;
- Chi cục THADS TP. Tuyên Quang;
- UBND P. Minh Xuân;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TAND TP. Tuyên Quang.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Anh Tuấn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Anh Tuấn